

# NHU CẦU CHỮA LÀNH CỦA CỘNG ĐỒNG LGBTQ+ QUA THỰC HÀNH TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TAM, TỨ PHỦ HIỆN NAY

ĐỖ DUY HƯNG  
Viện Dân tộc học và Tôn giáo học

Nhận bài ngày 17/10/2025. Sửa chữa xong 18/11/2025. Duyệt đăng 19/11/2025.

## Abstract

Currently, as the worship of the Three and Four Palaces continues to grow, practitioners of Mother Goddess worship are becoming increasingly younger, with many individuals in the LGBTQ+ community turning to this belief system as a means of spiritual healing. This study consists of two parts: first, an analysis of the healing needs of the LGBTQ+ community through the practice of Mother Goddess worship; second, an examination of LGBTQ+ participation in spirit possession rituals within contemporary worship practices. The article employs a Religious Psychology approach, drawing on interviews with practitioners and field observations.

**Keywords:** LGBTQ+ community, spiritual healing, spirit possession ritual.

## 1. Đặt vấn đề

Nghi lễ thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ thông qua nghi lễ lên đồng nhằm mục đích phục vụ cho cộng đồng tín đồ thờ Mẫu nói chung, cộng đồng LGBTQ+ nói riêng. Cộng đồng này là được xếp vào nhóm xã hội yếu thế nhưng lại có sự đóng góp rất lớn với văn hóa tín ngưỡng thờ Mẫu. Chúng tôi triển khai đề tài: “Nhu cầu chữa lành của Cộng đồng LGBTQ+ qua thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ phủ hiện nay” nhằm tìm hiểu về cộng đồng LGBTQ+ trong thực hành tín ngưỡng cũng như nhu cầu chữa lành những tổn thương tâm lý do khuôn mẫu giới mang đến cho họ.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Thực trạng về cộng đồng LGBTQ+ trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ

#### 2.1.1. Cộng đồng thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ

Cộng đồng thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ hiện nay có thể gồm nhiều đối tượng từ các bản hội, câu lạc bộ, Trung tâm và Viện nghiên cứu liên quan đến vấn đề thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu,... Nhưng, xét về tần suất thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở mức độ thường xuyên nhất thì không thể không kể đến các bản hội. Các bản hội được xoay quanh hạt nhân là các đồng thầy, là mắt xích trung tâm và quan trọng nhất. Đồng thầy là người dẫn dắt bản hội, tăng cường sợi dây liên kết bản hội và gắn bó các thành viên trong bản hội với nhau.

Để trở thành “đồng thầy”, trước hết những người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ phải trải qua giai đoạn là “đồng tân”. Thuật ngữ “đồng tân” biểu thị những người mới trải qua nghi lễ trình đồng mở phủ, chính thức bước chân vào thế giới của các ông đồng bà cốt. Khác với “đồng thầy” là những người có kinh nghiệm thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ đã có thời gian làm việc tâm linh và được hưởng “lộc” của thần linh trong tín ngưỡng về các hoạt động trong lĩnh vực tâm linh như: xem bói, chữa bệnh âm,... Song, khoảng thời gian chính thức để đồng tân trở thành đồng thầy vẫn là một điều gây nhiều tranh luận. Theo nghiên cứu của Mai Thị Hạnh từ việc tìm hiểu về bản hội, tác giả cho rằng mấu chốt trở thành đồng thầy chỉ cần 3 năm sau khi tạ khóa tam niên kể từ ngày mở phủ, và đã mở phủ cho người khác [4, tr. 66]. Trong khi đó, theo một số thầy đồng, để trở thành người đồng

Email: duyhung@gmail.com

thấy cần phải trải qua 3 năm thử lính, 9 năm thử đồng tức là 12 năm, nhưng cũng cần phải thực hành việc tâm linh, có khả năng đặc biệt và phải mở phủ được cho người khác. Chính ngay bản thân những người thực hành nghi lễ lên đồng cũng còn chưa có sự thống nhất về niên hạn để từ một căn đồng trở thành đồng thầy. Và bước ngoặt quan trọng để có được danh xưng “đồng thầy” với họ chính là có được đồng con.

Tuy nhiên, cũng cần có sự bàn luận thêm về những người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ này, chúng ta nên gọi họ với danh xưng hiện nay là “thanh đồng” hay “đồng cốt”? Theo sự phân tích và các ghi chép của Đào Duy Anh [1, tr. 246-247], Ngô Đức Thịnh [7, tr. 44-58], Nguyễn Ngọc Mai [10, tr. 45],... Thì vẫn luôn có 2 dòng đồng song song tồn tại gồm dòng thanh đồng thờ Đức Thánh Trần và dòng đồng cốt thờ Đức Thánh Mẫu [1, tr. 246-247]. Đào Duy Anh còn nói rõ hơn rằng, dòng thanh đồng do các ông đồng tham gia và dòng đồng cốt do các bà đồng tham gia [1, tr. 246-247]. Trong thiên phóng sự *Đồng bóng* của Lộng Chương cũng không ít lần đề cập đến các nhân vật như bà Tư Yên Phụ, bà Hàn Sinh,... đều là các Bà đồng [5, tr. 20] và thậm chí, ở một danh vị cao hơn đồng thầy là Mẹ đồng quan, người được phong hiệu cũng đều là các bà đồng [9, tr. 104-119]. Tuy nhiên, ở đây tác giả nhận thấy trong cộng đồng những người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ vẫn có sự hiện diện của các ông đồng, mà tiêu biểu phải kể đến là đồng quan Trần Vũ Thực (cổ thủ nhang Nguyệt Du Cung), cổ đồng đến Trang Công Thịnh (cổ thủ nhang Thuận Mỹ Linh Từ), đồng đến Lưu Ngọc Đức (trụ trì Lãnh Giang Vọng Từ 16 Hàng Hành), đồng đến Hồng Tĩnh tức cụ Chén (thủ nhang Thiên Tiên Quế Điện) [14] đều là các ông đồng, những đồng thầy được cộng đồng thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ kính trọng như các bậc đồng trưởng. Quay lại với danh xưng của những người thực hành tín ngưỡng Mẫu tam, tứ Phủ cùng với sự dung hợp, đan xen và tiếp biến văn hóa, đặc biệt là văn hóa tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần và thờ tứ Phủ, việc lên đồng nhà Trần và lên đồng (hầu bóng) tứ Phủ đã có sự hòa quyện với nhau trong không gian thiêng là ngôi điện thờ Thánh, bởi vậy các thanh đồng nhà Trần và những đồng cốt tứ Phủ lấy chung tên gọi thanh đồng để làm danh xưng, điều đó kéo theo thuật ngữ “đồng cốt” dần ít xuất hiện, thay vào đó tên gọi “thanh đồng” ngày càng hiện diện nhiều hơn.

Những người nam giới tham gia vào việc thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu có xu hướng là người thuộc cộng đồng LGBTQ+ tương đối nhiều. Họ thường gọi nhau bởi danh xưng “đồng cô”. Song, chúng tôi cũng khẳng định rằng không phải 100% người đồng cô đều là LGBTQ+ và cũng không có sự tuyệt đối khi nói tới LGBTQ+ là đồng cô.

Cộng đồng LGBTQ+ bản thân họ là những đối tượng chịu thiệt thòi trước dư luận xã hội và truyền thông đại chúng, đồng thời chịu sự ảnh hưởng sâu sắc từ khuôn mẫu giới trong các quan niệm đạo đức và tôn giáo (đặc biệt là Nho học). Bộ phận những người thuộc cộng đồng LGBTQ+ thực hành tín ngưỡng Mẫu tam, tứ Phủ không phải chỉ mới xuất hiện gần đây. Trong thước phim tài liệu *“Love man love woman - chuyện thầy Đức”* của tác giả Nguyễn Trinh Thi quay năm 2007, tham gia Liên hoan phim nhân học quốc tế năm 2008 tại Pháp cũng có nói đến nhân vật thầy Đức và câu chuyện của nhân vật này với yếu tố đồng cô, đại diện tiêu biểu cho cộng đồng LGBTQ+ tham gia vào tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ từ lâu. Nhưng, ở thời điểm hiện tại cùng với câu chuyện “Love man love woman” thì nhiều người thuộc cộng đồng LGBTQ+ trẻ tuổi, tham gia vào các hoạt động phụng thờ thánh Mẫu như lên đồng, hầu dâng, cắm hoa, thừa nhận mình thuộc cộng đồng LGBTQ+ trên mạng xã hội, tự tin đăng ảnh tình tứ lên không gian mạng ngày càng phổ biến. Tiêu biểu là ông đồng H (Tuyên Quang) và đồng C (Thanh Hóa), đồng D (Hà Nội), đồng L (Phú Thọ),... Trên không gian chung của các trang mạng xã hội Facebook, các từ ngữ chuyên dụng của cộng đồng LGBTQ+ như “bot” (chỉ người nam giới đồng tính, đóng vai trò người vợ trong mối quan hệ) kết hợp cùng thuật ngữ “Bà Chúa” (trong tín ngưỡng) để sinh ra các thuật ngữ mang tính giễu cợt: “Bà Chúa Bot”. Và các thuật ngữ này dần dần trở thành những tiếng lóng của cộng đồng LGBTQ+ trong tín ngưỡng. Đôi khi, một số thuật ngữ chuyên dụng như cô, chị, mẹ, dì, gái,... dùng để gọi người phụ nữ cũng được cộng đồng này sử dụng trong các cuộc nói chuyện và xưng hô giữa những người có giới tính sinh học là nam.

Sự thể hiện này còn được biểu thị trong trang phục, cử chỉ, hành vi và không khó để nhận diện

trong cộng đồng những người LGBTQ+ thực hành tín ngưỡng Mẫu tam, tứ Phủ mà chúng tôi sẽ trình bày tại phần tiếp theo. Điều này hình thành nên hai quan điểm khác nhau trong cộng đồng:

*Thứ nhất:* Cái nhìn phản cảm, làm xấu đi hình ảnh của tín ngưỡng thờ Mẫu tam tứ Phủ và sự tôn nghiêm của các cơ sở thờ tự.

*Thứ hai:* Một số nhóm người cho rằng đó là thể hiện yếu tố căn số, và chính những yếu tố đùa vui như vậy khiến cho không khí của đền Phủ và sự chuẩn bị các nghi lễ thêm phần náo nhiệt hơn.

Dù định hướng nhìn nhận của các cá nhân khác nhau, không thể phủ nhận giá trị và công lao của những người thuộc cộng đồng LGBTQ+ trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ. Họ là những ông đồng, bà cốt thực thụ, góp phần quan trọng vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại đã được UNESCO đã vinh danh năm 2016. Với sự khéo léo và tinh tế, họ đã kiến tạo các đàn lễ, giúp các canh hầu trở nên trang nghiêm hơn.

Một số người hầu dâng thuộc cộng đồng LGBTQ+ với giới tính sinh học nam, như đồng Th, đồng D (Hà Nội), đồng H (Tuyên Quang), đồng Hu (Thanh Hóa)..., nổi bật với đôi tay khéo léo, cắm hoa đẹp và thực hiện các nghi thức lên khăn áo tinh tế. Nhờ kỹ năng này, họ được nhiều ông đồng, bà cốt lựa chọn đảm nhiệm vai trò hầu dâng, phụ trách các hoạt động lên khăn áo trong canh hầu.

### 2.1.2. Chữa lành sức khỏe tâm thần được dùng bằng liệu pháp trị liệu tâm lý

“Chữa lành sức khỏe tâm thần” là một thuật ngữ mang tính chất tâm lý học. Trong phân tâm học, Erich Fromm [3, tr. 16-20] cho rằng *“vai trò của chữa trị tâm hồn dứt khoát phải có một chức năng tôn giáo”*. Khi soi chiếu vào các nguồn gốc của tôn giáo, chúng ta có thể nhận thấy rằng tôn giáo có nguồn gốc tâm lý; trong đó, sự sợ hãi được xem là một trong những yếu tố cơ bản để sinh ra khái niệm về thần linh.

Cũng theo quan điểm tâm lý học, những tổn thương tinh thần hay những khát khao vô định trong tiềm thức có thể bùng phát và thúc đẩy mối giao cảm của con người với thần linh. Sự tổn thương tinh thần khiến con người tìm đến tôn giáo như một cách để tìm kiếm sự an ủi, hướng tới sự cân bằng nội tâm. Khi đó tôn giáo được biểu thị rõ ràng nhất, trở thành một phương tiện để con người giải tỏa những xung năng, lo âu, và bù đắp những thiếu hụt tinh thần.

Như vậy, từ góc độ phân tâm học và tôn giáo không chỉ là một hệ thống tín ngưỡng hay các nghi lễ, mà còn là một cấu trúc tâm lý giúp con người đối diện và giải quyết các khủng hoảng tinh thần, những tổn thương nội tâm, đồng thời tạo ra một không gian an toàn để bộc lộ cảm xúc, khát khao và những nhu cầu tiềm ẩn trong tiềm thức.

Dưới tác dụng của nền kinh tế, xã hội ở các giai đoạn khác nhau sẽ có sự hình thành/thúc đẩy sự bùng nổ của các tôn giáo khác nhau. Nếu đời sống kinh tế - xã hội không có sự tác động lên đời sống tư duy, tâm lý tinh cảm của con người thì nhu cầu được đền bù hư ảo có thể chưa chắc đã phát sinh. Bởi vậy mà khi nói đến sự chữa lành tâm hồn, chúng tôi cần trở lại chính khái niệm mà Engels đã đưa ra: *“Mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”* [2, tr. 45]. Dưới nhãn quang tâm lý học, sự tổn thương tinh thần đến từ phương diện tâm lý như: sợ hãi, hốt hoảng, sùng bái,... đều có các dấu hiệu có sẵn cùng với các tác nhân khác khiến cho thần linh được sinh ra trong trí tưởng tượng của con người.

Thế giới thần linh nói chung, và thế giới thần linh trong tín ngưỡng thờ Mẫu tam tứ Phủ nói riêng, cũng phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa con người và niềm tin tâm linh. Có thể nhận thấy sự xuất hiện của Allah trong ý niệm của nhà tiên tri Muhammad, thông qua sự thông truyền của Gabriel, đã dẫn tới sự ra đời của Islam. Trong Phật giáo phát triển, 3000 vị Phật quá khứ - hiện tại - vị lai đều được hình thành từ sự thuyết pháp của Phật Thích Ca. Trong Kitô giáo, thế giới vĩ đại mà Giêsu Kitô nhắc đến liệu có ai từng chứng kiến? Chúa tạo ra con người theo hình hài của Ngài, hay thiên đường mà Chúa Trời nhắc đến là sự đối lập với hiện thực đầy thử thách mà người Do Thái từng trải qua.

Tất cả những hiện tượng mà tôn giáo hiển hiện đều phản ánh ngược lại xã hội thực tại, đồng thời đến

bù hư ảo cho những uẩn ức sâu nhất từ nội tâm con người. Con người tìm đến tôn giáo không chỉ như một bài thuốc trị liệu tinh thần để khóa lấp hiện thực đời sống, mà chính các tôn giáo còn là phương tiện chữa lành tâm hồn, giúp con người đối diện với khổ đau, tìm kiếm sự bình an và cân bằng nội tâm.

Trên bình diện Shaman giáo toàn cầu, cũng như qua thực hành nghi lễ hầu đồng của người Việt Nam, tín ngưỡng này có thể ra đời từ “Nhu cầu bình an của con người” [15, tr. 296-323]. Xét trong bối cảnh tín ngưỡng thờ Nữ thần cổ xưa, khi con người đứng trước các thế lực siêu nhiên như mây, mưa, sấm, chớp mà chưa đủ khả năng giải thích, họ đã nhân cách hóa những hiện tượng này thành các vị thần có nhân tính, hình tượng hóa chúng dưới hình hài các bà, các mẹ. Chịu sự ảnh hưởng từ các tôn giáo khác, bốn bà Vân - Vũ - Lôi - Điện ra đời và trở nên phổ quát trong đời sống tín ngưỡng.

Sự mong cầu bình an này xuất phát từ chính sự bất an của con người, thể hiện rõ nét mối tác động hai chiều: con người tác động đến tôn giáo và tôn giáo tác động lại con người, đồng thời cho thấy vai trò của tôn giáo trong việc đáp ứng nhu cầu tâm lý và tinh thần sâu xa của con người.

Trong tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ, công năng chữa lành tâm lý cũng phần nào được thể hiện rõ, đặc biệt với cộng đồng LGBTQ+ trong thực tại. Để làm sâu hơn về hoạt động chữa lành sức khỏe tâm thần của con người hiện đại, nhiều người sẽ liên tưởng đến thiền. Trong thiền có nhiều hình thức biến đổi, như thiền hành, thiền định, nhưng định hướng chung là gạt bỏ những suy nghĩ vớ vẩn về nỗi lo cơm áo gạo tiền, giúp con người đạt được sự thư giãn và giảm stress. Theo từng trường phái, thiền đôi khi còn được coi như phương thức dẫn đến giác ngộ và giải thoát [13, tr. 60-61].

Như vậy, trong thực hành tôn giáo - tín ngưỡng tồn tại song song hai điều kiện: sự đối lập và sự tương đồng. Sự đối lập thể hiện ở việc con người tìm đến không gian tâm linh để tách khỏi áp lực đời sống thường nhật, còn sự tương đồng xuất hiện khi con người nhận thấy niềm an ủi, sự đồng cảm từ thần linh hoặc nghi lễ. Chính yếu tố này cùng xuất hiện đã tạo ra quá trình trị liệu và chữa lành tâm lý trong thực hành tôn giáo - tín ngưỡng được thể hiện dưới hai yếu tố sau:

*Thứ nhất*, điều kiện về sự đối lập giữa thực tại sống và khát vọng của con người, từ đó tạo ra cái được gọi là “uẩn ức”. Thực tại sống quá phủ phàng và không như cách con người ta mong muốn, đứng trước thực tại ấy con người không - khó có thể chống lại mà chỉ có thể dùng tôn giáo để làm chỗ dựa tinh thần. Nhưng, không phải tôn giáo nào cũng có thể đáp ứng được bài toán tinh thần như vậy. Buộc phải có sự tương thích tâm lý với cộng đồng chung mới có thể khiến cho tâm lý của người tìm đến được chữa lành và thỏa mãn.

*Thứ hai*, sự tương thích trong tôn giáo - tín ngưỡng với người thực hành, sự tương thích ấy được biểu hiện qua nhiều yếu tố từ giáo lý, luật lệ, các đấng siêu nhiên và đặc biệt là sự thực hành tôn giáo. Một tôn giáo mà không có sự thực hành thỏa mãn tâm mong cầu, không đáp đến được nhu cầu đến bù hư ảo của tín đồ thì khó có thể níu giữ được tín đồ của mình. Họ sẵn sàng “cải đạo” để thực hành một tôn giáo khác mà đáp ứng được trạng thái thỏa mãn trong tâm lý của chính mình. Thậm chí ngay trong chính một tôn giáo, nếu như không đáp ứng được nhu cầu tâm lý, không có sự tương thích trong quá trình thực hành thì buộc lòng chính tín đồ của cơ sở thờ tự đó sẽ tìm đến một cơ sở khác có yếu tố thực hành phù hợp hơn.

Thông qua hai yếu tố này, con người kiến tạo một quá trình chữa lành tâm hồn trong thực hành tôn giáo, tín ngưỡng. Khi soi chiếu vào cộng đồng LGBTQ+ tham gia tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ hiệu ứng chữa lành này trở nên rõ nét hơn, thể hiện ở việc họ tìm được sự an ủi, giải tỏa nội tâm và cơ hội thể hiện bản thân một cách trọn vẹn.

## **2.2. Cộng đồng LGBTQ+ qua nghi lễ lên đồng trong tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ hiện nay**

### **2.2.1. Cộng đồng LGBTQ+ và sự phi giới tính trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ hiện nay**

Khái niệm đồng cô là từ ngữ biểu thị tính cách trong cộng đồng LGBTQ+ hiện nay. Trong trường hợp này, thuật ngữ đồng cô biểu thị những người có tính cách dễ thay đổi, hờn giận bất thường, có phần nóng nảy, và đặc biệt là thích làm đẹp, ưa những gam màu rực rỡ.

*Hỏi (TG bài viết):* Đề nghị bác giải nghĩa “đồng cô” như thế nào?

*Trả lời* (Nam giới tên Ch, tuổi 60): Ở cách hiểu này thì đồng cô cận nghĩa với khái niệm về đồng bóng. Trong quá trình chúng tôi tìm hiểu thực địa tại đền Cây Quế, Hà Nội, lắng nghe sự chia sẻ của đồng đến Ch, ông có sự lý giải về *đồng bóng* rằng đồng là cùng, hình bóng là cái bóng của thần linh xuất hiện trong các canh hầu đồng thông qua chiếc gương loan đặt trên bàn ngự, điều đó khiến cho thuật ngữ đồng bóng nên được hiểu là “cùng với-bóng của thần linh”.<sup>1</sup>

Những người thuộc cộng đồng LGBTQ+ thực hành nghi lễ lên đồng, đồng cô, đồng bóng có thể nhận diện một cách không quá khó khăn, đặc biệt là những người có giới tính sinh học là nam. Theo tác giả Nguyễn Ngọc Mai có đề cập: *“Trong giới đồng bóng hiện nay thì tỉ lệ những người có căn tính không rõ ràng cũng chiếm số lượng tương đối. Họ là nam, có tính cách giống nữ, hay ăn mặc lòe loẹt”* [10, tr. 279]. Trong không gian đền phủ, những người đồng cô này thường xuất hiện cùng nhau thành một nhóm nhỏ, một bản hội nhỏ và đều thành tâm đi lễ thần thánh.

Khi sống trong một môi trường luôn bị chi phối bởi tính thiêng, và tiếp xúc với nhiều người có tính cách thay đổi, biến động thất thường, bản thân “họ” cũng sẽ chịu ảnh hưởng, dẫn đến những thay đổi và biến động tương tự trong tính cách cá nhân. Bên cạnh đó, theo quan điểm của Phạm Minh Diệu, sự thay đổi tính cách và thất thường về tính cách có thể là biểu hiện của “bệnh âm”, và cần đến yếu tố quyền năng thiêng liêng để tiến hành chữa trị: *Trong Đạo Mẫu ở Việt Nam [...] tồn tại một phương pháp chữa bệnh tinh thần đặc thù gọi là “y thuật tâm linh” hoặc “y học ma thuật”* [11, tr. 11].

Khi tìm hiểu kỹ hơn về các tác nhân định hình tính cách, và thông qua quá trình phỏng vấn một số đối tượng thuộc cộng đồng LGBTQ+, chúng tôi nhận thấy rằng bản thân họ thường sử dụng thuật ngữ “căn số” để trả lời các câu hỏi về tính cách và hành vi của mình. Trên một trang cá nhân của đồng D, giới tính sinh học là nam nhưng thường được gọi là cô D, lập trên nền tảng mạng xã hội Facebook, khi cô D đội tóc giả, trang điểm đậm như phụ nữ và sơn móng tay màu đỏ, đã tạo nên một hình ảnh cá tính đặc biệt. Mặc dù cô D khẳng định rằng “không phải bê đê, người ta căn số, mỗi người mỗi căn mỗi số...”, sự thể hiện cá tính của cô D lại hoàn toàn tương thích với nhóm cộng đồng Queer, hay còn gọi là questioning – những người có nhận dạng giới và xu hướng tính dục khác biệt hoàn toàn so với khuôn mẫu giới truyền thống. Có thể coi trường hợp của cô D như một sự bứt phá, phá bỏ những quan niệm cố hữu về giới và thể hiện một cách sống động bản dạng cá nhân của mình.

Tuy nhiên, khi không ở trong một không gian tương tự, những người này vẫn cần duy trì sự “uy” của người làm chủ bản hội. Một phần những người thuộc cộng đồng LGBTQ+ đứng trước bản hội của mình đều không thích hoặc không vui khi nhắc đến những câu chuyện về giới tính hay xu hướng cá nhân trong đời thường.

Bàn luận ở mức độ xã hội rộng hơn, việc cộng đồng LGBTQ+ hiện nay đang dần trở nên bình thường trong nhãn quan chung của xã hội là điều dễ nhận thấy. Trên các phương tiện truyền thông đại chúng, nhóm này đang dần được công nhận, dù chưa hoàn toàn phổ quát trong nhận thức toàn xã hội. Những người thuộc cộng đồng LGBTQ+ vẫn phải thu mình, khép mình trong các khuôn mẫu giới, không được tự do thể hiện giới tính hay cá tính của bản thân, điều này tác động trực tiếp đến tâm lý và sự tự tin của họ.

Từ năm 2018, chúng tôi cũng theo dõi một số cá nhân thuộc cộng đồng LGBTQ+, như T (Tuyên Quang), Q và TA (Hà Nội), những người đã có gia đình. Ở thời điểm quan sát ban đầu, các nhân vật này ít đến đền phủ, và thể hiện giới tính của mình khá kín đáo. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đặc biệt từ năm 2019, anh Q và anh T đã bắt đầu trình đồng mở phủ, lên đồng hầu thánh và thể hiện giới tính một cách thoải mái hơn. Khi trò chuyện lại với anh T, chúng tôi nhận thấy anh nhắc nhiều hơn đến “căn số” và cảm thấy thoải mái hơn khi chia sẻ về bản thân. Trong bản hội của anh T, mỗi dịp có canh hầu mà chúng tôi có cơ hội quan sát và tham dự, chúng tôi đều nhận thấy anh T có xu hướng thân cận với một số nhóm đồng cô, và chính bản thân anh cũng không ngần ngại chia sẻ với chúng tôi rằng mình có xu hướng thích nam giới.

1) (Đỗ Duy Hưng, Tư liệu phỏng vấn đồng Ch ngày 2/3/2021)

Điển hình là nhân vật thầy Đức (hay gọi thầy Đức phố Hàng Hàng), từ những thước phim tài liệu “Love man love woman” của tác giả Nguyễn Trinh Thi, nhân vật thầy Đức cũng kể về câu chuyện bản thân và sự dẫn dụ của một người dạy toán cho ông, từ ban đầu thấy sợ, về sau ông thấy thích và dần dần trở thành đồng tính (Gay). Song, ông cũng có vợ con, có gia đình và cũng ly hôn. Khoảng thời gian mà nhân vật thầy Đức trong bộ phim tài liệu “Love man love woman” tự sự tính từ lúc bị dẫn dụ cho đến khoảng thời gian lấy vợ và có con tương đối xa nhau. Nhưng vấn đề đó cũng là một phần của uẩn ức tâm tác động đến nhân vật thầy Đức để nhân vật này chuyên tâm hơn với hoạt động thực hành tín ngưỡng. Theo Nguyễn Ngọc Mai ghi nhận trong nghiên cứu của mình, trường hợp đồng X tại Hà Nội cũng có tính cách, sự thể hiện giới và có những uẩn ức tương tự [10, tr. 279].

Trong quá trình thực địa tại Hà Nội, chúng tôi nhận thấy rằng việc đề cập đến cộng đồng LGBTQ+ và xu hướng đồng tính vẫn còn gặp phải nhiều định kiến và sự kì thị từ xã hội. Trong bối cảnh đó, các hoạt động như lên đồng, thờ Mẫu và việc nhắc đến “căn số” trở thành nơi nương tựa tinh thần, vừa đáp ứng nhu cầu thể hiện bản thân, vừa giúp chữa lành những tổn thương tâm lý, tạo ra một không gian an toàn và tôn trọng cho những người thuộc cộng đồng này.

### 2.2.2. Lên đồng hình thức chữa lành và sự thỏa mãn khát khao thể hiện giới của cộng đồng LGBTQ+

Để bàn luận sâu hơn về việc chữa lành những khát vọng sâu nhất liên quan đến yếu tố thể hiện giới của cộng đồng LGBTQ+ qua quá trình hầu đồng, cần nhắc đến vấn đề khuôn mẫu giới và chuẩn mực thể hiện giới. Hiện nay, chúng tôi chưa tiếp cận được nguồn tư liệu nào mô tả chính xác cách thức thể hiện giới và những chuẩn mực cụ thể của nó, nhưng ngay trong chính ca dao, tục ngữ dân gian đã phản ánh các khuôn mẫu giới: “Làm trai cho đáng nên trai”, “Trai anh hùng, gái thuyền quyên”,... Những câu nói này, theo cách nhìn dân gian, đã kim hãm bản ngã của con người trong một “khuôn vàng thước ngọc” mà xã hội đặt ra.

Một điểm sáng mà chúng tôi nhận thấy xuyên suốt quá trình diễn dã là sự xuất hiện ngày càng nhiều người nam giới tham gia hầu đồng, trong đó phần lớn là các cậu đồng căn cô, chủ yếu là cô Bơ và cô Chín. Điểm này trước đây cũng được Viveca Larsson và Kirsten W.Endres [15, tr. 296-323] đề cập, nhưng chỉ dừng lại ở việc nhận xét rằng đồng nam chiếm ưu thế và thường được trọng vọng hơn đồng nữ, mà chưa bàn đến yếu tố “căn số” của họ.

Hoạt động lên đồng ở đây có thể được hiểu như một cách thỏa mãn chính tâm lý bất ổn, chữa lành những tổn thương trong tâm hồn của cộng đồng LGBTQ+. Chúng tôi nhận thấy sự giải phóng thực sự khỏi bức bách tâm lý và khả năng được sống đúng với bản ngã, được cộng đồng LGBTQ+ thể hiện qua các giá đồng này.

Ta có thể hình dung rằng, trong đời sống thường nhật, việc những người đàn ông mặc trang phục nữ, tô son điểm phấn là điều không được dân gian chấp thuận; thậm chí, trong một thời gian dài, xã hội còn xem đó như dấu hiệu bệnh lý và tìm các liệu pháp để chữa trị. Chính khuôn mẫu giới đã buộc những người có giới tính sinh học nam nhưng bản dạng giới là nữ phải bó mình theo những chuẩn mực mà xã hội mặc định. Tuy nhiên, trong một không gian khác, không gian tâm linh những người lên đồng thuộc cộng đồng LGBTQ+ lại có thể thiêng hóa khát vọng của mình thông qua các vị nữ thần. Họ, những người trung gian (medium) - trung gian giữa thiêng và phàm [8, tr. 11-18], “đổ thừa” sự thể hiện giới của mình cho những “cái hình bóng” của thần linh đang nhập vào cơ thể phàm tục.

Nhờ đó, bản thân người lên đồng đạt được trạng thái thiền động, giao kết với các nguồn năng lượng cùng tần số, bộc lộ hết những ẩn ức cá nhân trong tâm lý, lấp đầy những thiếu thốn trong tâm hồn và đạt đến sự thỏa mãn tâm lý sâu sắc. Thậm chí, khi họ bộc lộ cá tính mạnh mẽ hơn, khoác lên mình bộ áo Thánh trong nghi lễ hầu đồng, họ còn nhận được sự nể trọng và khen ngợi từ những người dự lễ, đồng thời khẳng định quyền được sống và thể hiện bản dạng thực sự của mình.

### 3. Kết luận

Cộng đồng LGBTQ+ là một nhóm đa dạng, thường gặp các rối nhiễu về tâm lý liên quan đến giới tính và tính dục. Họ ít được thừa nhận trong xã hội, mặc dù gần đây sự cởi mở đối với nhóm này ngày

càng tăng, đặc biệt là với những người tham gia thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam tứ Phủ. Một bộ phận trong số họ tìm về tâm linh, hướng tới thờ Mẫu như một cách chữa lành những vết thương sâu thẳm trong tâm hồn. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đã đặt khuôn mẫu giới và nhu cầu thể hiện giới vào hoạt động lên đồng, sử dụng các phương pháp quan sát và phỏng vấn để tìm ra những mẫu số chung liên quan đến sự tương đồng giữa tính cách của thần và người. Qua các canh hầu diễn ra với các giá đồng chính căn, người hầu đồng thuộc cộng đồng LGBTQ+ vừa thỏa mãn khát khao thể hiện giới, vừa được mọi người kính trọng. Ngoài việc đáp ứng nhu cầu thể hiện bản thân, họ còn giải tỏa những xung năng dồn nén, được sống là chính mình trên sập hầu, không phải che giấu thân phận như trong cuộc sống hàng ngày. Như vậy, phần nào bài viết đã nêu bật vai trò của thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam, tứ Phủ (nghỉ lễ lên đồng) trong việc chăm sóc sức khỏe tâm thần, thông qua việc giúp giải quyết những xung đột nội tâm của những người thuộc cộng đồng LGBTQ+ hiện nay.

---

### Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Duy Anh (1992). *Việt Nam văn hóa sử cương*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Engels, F. (2004). *Chống Duy linh*. Trong: Karl Marx và Engels: *Toàn tập* (tập 20). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3] Erich Fromm (2012). *Phân tâm học và Tôn giáo* (Luu Văn Hy dịch). NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
- [4] Mai Thị Hạnh (2016). *Bản hội trong đạo Mẫu: Tạo lập vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi*. Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học Xã hội.
- [5] Lộng Chương (1942). *Đồng bóng*. NXB Cộng lục, Hà Nội.
- [6] NextGEN Hà Nội (2019). *Báo cáo nghiên cứu về ảnh hưởng từ hình ảnh người LGBTQ trên báo/trang tin điện tử và mạng xã hội Facebook tới áp lực thay đổi bản thân của người trẻ LGBTQ*. Nguồn: <https://static1.squarespace.com>.
- [7] Ngô Đức Thịnh (2004). *Đạo Mẫu Việt Nam*. NXB Tôn giáo, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Duy Hinh (2005). *Phàm và thiêng*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3.
- [9] Nguyễn Hữu Thụ, Lê Văn Hiếu, Bùi Trung Hiếu (2021). *Mẹ Đồng quan và nghi lễ thi Đồng quan trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam - Tứ Phủ của người Việt*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 12 (216).
- [10] Nguyễn Ngọc Mai (2017). *Nghi lễ lên đồng: Lịch sử và giá trị*. NXB Hà Nội.
- [11] Phạm Minh Diệu (2016). *Y thuật tâm linh trong Đạo Mẫu ở Việt Nam*. In trong *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế: Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)*. NXB Thế giới, Hà Nội.
- [12] Quốc hội (2025). *Luật Dân sự 2015*, Luật số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015.
- [13] Thích Nhật Từ (2018). *Thiền Vipassana – bốn nền tảng Chánh niệm*. NXB Hồng Đức, Hà Nội.
- [14] Tư liệu ghi chép, phỏng vấn thực địa ngày 02/3/2021.
- [15] Viveca Larsson & Kirsten W. Endres (2021). *"Con nhà Thánh, đệ tử của thầy": Các thanh đồng ở Việt Nam sau đổi mới*. In trong *Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt: Những công trình của các tác giả nước ngoài*. NXB Thế giới, Hà Nội.
- [16] X. A. Tôcarrev (Lê Thế Hiệp dịch, 1994). *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.